



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Hà Giang

Số 08

Ngày 05 tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	Trang
27 - 02 - 2020	Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang	03

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

I. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2019.	04
11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	06
11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở (Sông Ma) bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên.	24

11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND phê duyệt tổng biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2020.	27
11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020.	29
11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND phê duyệt tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2020.	35
11 - 12 - 2019	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.	37
28 - 02 - 2020	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND về việc phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết vốn đầu tư công năm 2020 từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia.	45

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

17 - 02 - 2020	Chỉ thị số 219/CT-UBND về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.	49
19 - 02 - 2020	Chỉ thị số 244/CT-UBND về việc tăng cường chấp hành pháp luật về quản lý tài chính ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	52

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2020/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi, các khoản đóng góp, miễn, giảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Lý do: Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định nêu trên đã hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn sơn**

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**I. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT**Về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước và
chi ngân sách địa phương năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 08/12/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019, như sau:

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước số tiền 664.361 triệu đồng từ nguồn thu ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm 2019 cho tỉnh.

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương số tiền 664.361 triệu đồng, gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 153.434 triệu đồng.

b) Chi sự nghiệp : 510.927 triệu đồng.

Điều 2. Nghị quyết này được áp dụng thực hiện cho năm ngân sách 2019.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, Khoá XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích
sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng
năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020), của tỉnh Hà Giang;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 50 công trình, dự án, trong đó:

- a) Tổng diện tích thu hồi: 3.688.053 m²;
- b) Tổng kinh phí bồi thường: 75.591 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng; gồm 26 công trình, dự án với tổng diện tích là 272.932 m²; trong đó diện tích đất trồng lúa: 230.929 m²; đất rừng phòng hộ 42.003 m².

(Chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 05 công trình, dự án với tổng diện tích rừng 110.370 m². Trong đó:

- 1. Diện tích rừng trồng phòng hộ 1.370 m².
- 2. Diện tích rừng tự nhiên sản xuất: 48.140m².
- 3. Diện tích rừng trồng sản xuất: 60.860 m².

(Chi tiết tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất lúa, sử dụng đất rừng sang mục đích khác đối với diện tích đất vượt quá thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC I

Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
	<i>Toàn tỉnh</i>		<i>3.688.053</i>	<i>350.653</i>	<i>42.003</i>	<i>1.505.019</i>	<i>1.790.379</i>	<i>75.591</i>	<i>2.100</i>	<i>5.901</i>	<i>67.590</i>	
I	TP. HÀ GIANG		40.000	-	40.000		-	-	-	-	-	
1	Đường lên trận địa pháo phòng không	P. Ngọc Hà, P. Trần Phú, P. Minh Khai	40.000		40.000							
II	H. ĐỒNG VĂN		1.200	-	-	-	1.200	100	-	-	100	
1	Dự án: Trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Đồng Văn	Thị trấn Đồng Văn	1.200				1.200	100			100	
III	H. MÈO VẠC		125.604	10.534	-	-	115.070	4.450	2.100	800	1.550	
1	Xây dựng công viên cây xanh, thể dục thể thao huyện Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	3.500				3.500	800		800		

2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2020	Xã Cán Chu Phìn, xã Lũng Pù, xã Khâu Vai	234	34			200	50			50	
3	Trụ sở làm việc Chi cục Hải quan Cửa khẩu Săm Pun	Xã Thượng Phùng	6.000	2.500			3.500	1.500			1.500	
4	Nhà văn hóa truyền thống dân tộc Lô Lô thôn Sảng Pả A thị trấn Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	2.000				2.000	500	500			
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Địa phận huyện Mèo Vạc	55.870				55.870	750	750			
		Địa phận huyện Yên Minh	58.000	8.000			50.000	850	850			
IV	H. YÊN MINH		409.382	46.000	-	-	363.382	16.620	-	120	16.500	
1	Cải tạo sửa chữa và mở rộng chợ gia súc xã Sủng Thái	Xã Sủng Thái	1.500				1.500	50		50		
2	Xây dựng chợ xã Du Già, huyện Yên Minh	Xã Du Già	10.500				10.00	70		70		
3	Khu đô thị hỗn hợp 1A, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1A)	TT. Yên Minh	74.000	36.000			38.000	6.000			6.000,0	

4	Khu đô thị hỗn hợp 1B, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1B)	TT. Yên Minh	44.600	10.000			34.600	4.000			4.000,0	
5	Thủy điện Nậm Lang	Xã Ngọc Long, Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến	278.782				278.782	6.500			6.500,0	
V	H. QUẢN BẠ		4.960	-	-		4.960	451	-	451	-	
1	Nâng cấp thay máy và lắp đặt cột đường dây 0,4kV cấp điện thôn Đầu Cầu I, xã Cán Tỷ và dự án bảo tồn Làng văn hóa Dân tộc Mông	Xã Cán Tỷ	360				360	50,5		50,5		
2	Xây dựng chợ gia súc xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ	Xã Nghĩa Thuận	1.800				1.800	150		150		
3	Xây dựng chợ gia súc xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	Xã Cao Mã Pờ	2.800				2.800	250		250		
VI	H. BẮC MÊ		358	58	-		300	700	-	-	700	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Mê năm 2020	Xã Yên Định, xã Yên Phú	358	58			300	700			700	

VII	H. VỊ XUYÊN		324.692	13.370	2.003	51.309	258.011	28.490	-	1.930	26.560	
1	Chợ trung tâm xã	Xã Xín Chải	2.000,0				2.000,0	200,0		200,0		
2	Mở rộng công viên Hồ Cống Đông	Thị trấn Vị Xuyên	17.859,6				17.859,6	1.700,0		1.700,0		
3	Dự án: “Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng đặc dụng chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang” (bổ sung diện tích).	Xã Phong Quang, xã Phương Tiến	2003		2003							
4	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Xã Quảng Ngần, Xã Trung Thành	92	20			72	60			60	

5	Khu đô thị hỗn hợp Đông Bắc thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên	186.000				186.000	20.000			20.000	
6	Khai thác quặng sắt mỏ Nam Lương	Xã Thuận Hòa	113.197	11.888		51.309	50.000	5.000			5.000	
7	Trụ sở Kho bạc nhà nước huyện Vị Xuyên	TT. Vị Xuyên	1901				1901	1500			1500	
8	Chuyển mục đích để đầu tư đất khu trung tâm xã Kim Linh	Xã Kim Linh	1.500,0	1.462,0			38,0					
9	Mở rộng trường tiểu học xã Trung Thành	Xã Trung Thành	140,0				140	30		30		
VIII	HUYỆN HOÀNG SU PHÌ		1.248	150	-	-	1.098	450	-	300	150	
1	Dự án: Nhà lớp học trường Mầm non, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	300,0				300,0	150,0		150,0		
2	Dự án: Nhà lớp học trường Mầm non, xã Đản Ván	Xã Đản Ván	300,0				300,0	150,0		150,0		
3	Dự án: Nhà bia ghi tên các anh hùng, liệt sỹ xã Pồ Lô	Xã Pồ Lô	328				328	50			50	

4	Dự án: Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Hoàng Su Phì năm 2020 (TBA thôn Tà Đán, xã Pờ Ly Ngài)	Xã Pờ Ly Ngài, huyện Hoàng Su Phì	320	150			170	100			100	
IX	H. XÍN MÀN		110.714	6.345	-	14.000	90.369	3.540	-	200	3.340	
1	Bãi rác thải SH xã Bản Ngò	Xã Bản Ngò	5.000				5.000	200			200	
2	Sân thể thao bóng đá MINI xã Bản Ngò	Xã Bản Ngò	7.500				7.500	200		200		
3	Mỏ Mica Nà Trì (hạng mục công trình phụ trợ)	Thôn Khâu Lầu - Nà Trì	14.000			14.000		140			140	
4	Thủy điện Nậm Ly 2	Xã Quảng Nguyên + Khuôn Lùng	84.214	6.345			77.869	3.000			3.000	
X	H. QUANG BÌNH		1.682.878	21.192	-	1.420.400	241.286	2.390	-	2.100	290	
1	San ủi mặt bằng khu dân cư tổ 2, thị trấn Yên Bình bám đường Trường Chinh và đường Trần Hưng Đạo để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở (diện tích vùng phụ cận hạ tầng kỹ thuật đường Trường Chinh và đường Trần Hưng Đạo)	Thị trấn Yên Bình	800				800	100		100		

2	Trạm y tế xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	10.614	10.614				2.000		2.000		
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Xuân Minh + Xã Tiên Nguyên	8.100	8.100				50			50	
4	Cơ sở Tôn giáo: Linh Quang Tự	Thị trấn Yên Bình	3.200				3.200	200			200	
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2020	Xã Bằng Lang, Xã Xuân Giang	88	28			60	20			20	
6	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Hương Sơn	500	150			350	20			20	
7	Lòng hồ thủy điện Sông Chừng	Xã Tân Nam + Tiên Nguyên + Thị trấn Yên Bình	1.623.576			1.420.400	203.176					

8	Dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi thôn Yên Trung, thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	36.000	2.300			33.700					
XI	H. BẮC QUANG		987.017	253.004	-	19.310	714.703	18.400	-	-	18.400	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2020	Xã Vĩnh Hảo, Xã Quang Minh, Xã Vĩnh Phúc	242	172			70	50			50	
2	Dự án: CQT trạm biến áp khu vực Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần năm 2019 (phần bổ sung)	Thị trấn Việt Quang	80	60			20	50			50	
3	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Quang - Khánh Hòa	TT. Việt Quang, xã Quang Minh, xã Hùng An, xã Vĩnh Hảo, TT Vĩnh Tuy, Xã Đồng Yên	491.242	119.724		10.000	361.518	3.800			3.800	

4	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang	Xã Hùng An, Xã Quang Minh, TT Việt Quang	319.198	44.446		9.160	265.592	3.500			3.500	
5	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Vĩnh Hào, xã Vĩnh Phúc, Xã Việt Hồng, TT Việt Quang	868	215		150	503	1.000			1.000	
6	Thủy điện Tân Lập (bổ sung)	Xã Tân Lập	12.000	12.000				5.000			5.000	
7	Khu đô thị An Bình	Xã Việt Vinh	152.000	65.000			87.000	5.000			5.000	
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thị trấn Vĩnh Tuy (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Lập, thị trấn Vĩnh Tuy	5.387	5.387								
9	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu xã Hùng An; Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Hùng, xã Hùng An	6.000	6.000								

PHỤ LỤC II

Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai đề thực hiện dự án đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m²)	Diện tích đất rừng sản xuất (m²)	Diện tích đất khác còn lại (m²)	
					Tổng số	Tổng số		
	Toàn tỉnh		1.031.465	230.929	42.003	60.619	697.914	
I	TP. HÀ GIANG		40.000	-	40.000		-	
1	Đường lên trận địa pháo phòng không	P. Ngọc Hà, P. Trần Phú, P. Minh Khai	40.000		40.000			
II	H. MÈO VẠC		120.104	10.534	-	-	109.570	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2020	Xã Cán Chu Phìn, xã Lũng Pù, xã Khâu Vai	234	34			200	
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Địa phận huyện Mèo Vạc	55.870				55.870	
		Địa phận huyện Yên Minh	58.000	8.000			50.000	
3	Trụ sở làm việc Chi cục Hải quan Cửa khẩu Săm Pun	Xã Thượng Phùng	6.000	2.500			3.500	

III	H. YÊN MINH		118.600	46.000	-	-	72.600	
1	Khu đô thị hỗn hợp 1A, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1A)	TT. Yên Minh	74.000	36.000			38.000	
2	Khu đô thị hỗn hợp 1B, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1B)	TT. Yên Minh	44.600	10.000			34.600	
IV	H. BẮC MÊ		358	58	-		300	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Mê năm 2020	Xã Yên Định, xã Yên Phú	358	58			300	
V	H. VỊ XUYỀN		116.792	13.370	2.003	51.309	50.110	
1	Dự án: “Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng đặc dụng chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang” (bổ sung diện tích)	Xã Phong Quang, xã Phương Tiến	2003		2003			
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Xã Quảng Ngần, xã Trung Thành	92	20			72	

3	Khai thác quặng sắt mỏ Nam Lương	Xã Thuận Hòa	113.197	11.888		51.309	50.000	
4	Chuyển mục đích để đầu giá đất khu trung tâm xã Kim Linh	Xã Kim Linh	1.500,0	1.462,0			38,0	
VI	H. HOÀNG SU PHÌ		320	150	-	-	170	
1	Dự án: Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Hoàng Su Phì năm 2020 (TBA thôn Tà Đản, xã Pờ Ly Ngải)	Xã Pờ Ly Ngải, huyện Hoàng Su Phì	320	150			170	
VII	H. XÍN MÀN		84.214	6.345	-	-	77.869	
1	Thủy điện Nậm Ly 2	Xã Quảng Nguyên + Khuôn Lùng	84.214	6.345			77.869	
VIII	H. QUANG BÌNH		55.302	21.192	-	-	34.110	
1	Thủy điện Xuân Minh	Xã Xuân Minh + Xã Tiên Nguyên	8.100	8.100				
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2020	Xã Bằng lang, xã Xuân Giang	88	28			60	
3	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Hương Sơn	500	150			350	

4	Dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi thôn Yên Trung, thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	36.000	2.300			33.700	
5	Trạm Y tế xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	10.614	10.614				
IX	H. BẮC QUANG		495.775	133.280	-	9.310	353.185	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2020	Xã Vĩnh Hảo, Xã Quang Minh, Xã Vĩnh Phúc	242	172			70	
2	Dự án: CQT trạm biến áp khu vực Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần năm 2019 (phần bổ sung)	Thị trấn Việt Quang	80	60			20	
3	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang	Xã Hùng An, xã Quang Minh, TT Việt Quang	319.198	44.446		9.160	265.592	
4	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Vĩnh Hảo, xã Vĩnh Phúc, xã Việt Hồng, TT Việt Quang	868	215		150	503	
5	Thủy điện Tân Lập (bổ sung)	Xã Tân Lập	12.000	12.000				
6	Khu đô thị An Bình	Xã Việt Vinh	152.000	65.000			87.000	

7	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thị trấn Vĩnh Tuy (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Lập, thị trấn Vĩnh Tuy	5.387	5.387				
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu xã Hùng An; Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Hùng, xã Hùng An	6.000	6.000				

PHỤ LỤC III

Danh mục công trình, dự án trình chủ trương chuyển đổi rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Tổng diện tích đất có rừng chuyển đổi (m ²)	Trong đó: Chia ra các loại rừng				Ghi chú
					Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
1	Dự án Thủy điện Cốc Rế 2	Xã Ngán Chiên, Cốc Rế huyện Xín Mần		30.000				30.000	Về đất đai đã được thông qua tại NQ số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh.
2	Dự án Thủy điện Sông Chảy 6	Xã Ngán chiên, Cốc rế, Tả Nhìu, Thèn Phàng, Cốc Pải, Nàn Ma, Bản Ngò huyện Xín Mần		10.860				10.860	Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 21/7/2016; Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh.
3	Dự án Thủy điện Suối Đỏ	Xã Chiến Phố, Bản Phùng huyện Hoàng Su Phì		20.000				20.000	Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh.
4	Dự án Thủy điện Bắc Mê	Xã Yên Phong, Phú Nam huyện Bắc Mê		48.140			48.140		Có VB số 1222/TTg-NN ngày 14/9/2018 của Chính phủ cho phép CĐR tự nhiên. Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh.

5	CT xử lý các vị trí tiềm ẩn TNGT trên QL 4C	Xã Na Khê huyện Yên Minh		1.370		1.370			Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2019; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh v/v phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2019; Quyết định số 1604/QĐ-TCDBVN ngày 22/5/2019 v/v phê duyệt báo cáo KTKT.
		Tổng cộng		110.370	0	1.370	48.140	60.860	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở (Sông Ma)
bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc chấp thuận Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở (Sông Ma) bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc xin *phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở (Sông Ma) bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên*; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở (*Sông Ma*) bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Để khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của người dân, bảo vệ tài sản của nhà nước và ổn định sản xuất lâu dài, phát triển kinh tế địa phương của xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên.

2. Quy mô đầu tư xây dựng:

Bố trí tuyến kè bám theo bờ sông thực tế đảm bảo điều kiện trơn, thuận dòng chảy, tổng chiều dài tuyến kè (2 bên bờ sông): $L = 4.795$ m. Phân chia kè thành các đoạn dựa theo địa hình thực tế. Kết cấu kè bằng bê tông M200#, dưới đáy bố trí lớp đệm bằng bê tông đá dăm M100# dày 10cm và được chia làm 2 giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn 1: Trong hạn mức vốn đã được bố trí 50 tỷ đồng tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, tập trung khắc phục các vị trí trọng yếu, kết hợp với việc sửa chữa cầu máng đảm bảo cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt trong khu vực:

- Đoạn 1: Đầu cầu máng thuộc thôn Khuôn Làng - Tát Cà. Chiều cao kè thay đổi từ 2,0-:-3,5m; chiều rộng đỉnh kè 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,4-:-1,9m; chiều cao móng kè thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,2-:-2,9m;

- Đoạn 2: Khu vực công trình Trung thủy nông. Chiều cao kè thay đổi từ 2,0-:-4,0m; chiều rộng đỉnh kè 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,4-:-2,05m; chiều cao móng kè thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,2-:-3,1m;

- Đoạn 3: 2 bên bờ sông từ cầu Tả Làng về phía hạ lưu; Chiều cao kè thay đổi từ 2,0-:-4,0m; chiều rộng đỉnh kè 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,4-:-2,05m; chiều cao móng kè thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,2-:-3,1m;

b) Giai đoạn 2 (đầu tư các đoạn còn lại), gồm:

- Đoạn 4: Khu vực cầu treo Cốc Láng, Nà Giáo, Nà Pháy; chiều cao kè thay đổi từ 2,0-:-3,5m; chiều rộng đỉnh kè 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,4-:-1,9m; chiều cao móng kè thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,2-:-2,9m;

- Đoạn 5: Khu vực bồi lắng lòng sông thuộc thôn Nà Giáo. Chiều cao kè thay đổi từ 2,5-:-3,5m; chiều rộng đỉnh kè 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,55-:-

1,90m; chiều cao móng kê thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,45-:-2,90m;

- Đoạn 6: Khu vực sạt lở đập Nà Lò. Chiều cao kê thay đổi từ 2,0-:-3,5m; chiều rộng đỉnh kê 0,45m; chiều rộng chân tường thay đổi từ 1,4-:-1,9m; chiều cao móng kê thay đổi từ 0,8-:-1,4m; chiều rộng móng thay đổi từ 2,2-:-2,9m.

Sau lưng các đoạn kê bố trí các ống thoát nước D100 đặt so le khoảng cách 2m và tầng lọc ngược bằng đá xếp khan dày từ 0,25-:-0,50m. Sau khi kết cấu đạt cường độ yêu cầu, tiến hành đắp sỏi suối hoàn trả lại mặt bằng.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư: 95.969.951.682 đồng (*chín mươi lăm tỷ, chín trăm sáu chín triệu, chín trăm năm một ngàn, sáu trăm tám hai đồng*), trong đó:

a) Giai đoạn 1: 50.111.449.801 đồng.

b) Giai đoạn 2: 45.858.501.881 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên.

7. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 1 (2019 - 2020) và giai đoạn 2 (*sau năm 2020*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện dự án theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng biên chế công chức và hợp đồng lao động theo
Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức
hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BNV ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hà Giang năm 2020;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị phê duyệt tổng biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BPC ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (*gọi tắt là Hợp đồng 68*) trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2020, cụ thể như sau:

1. Tổng biên chế công chức là 2.137 biên chế, trong đó:
 - a) Biên chế giao các sở, ban, ngành tỉnh: 1.136 biên chế;
 - b) Biên chế giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 1.001 biên chế.
2. Hợp đồng 68 là 124 chỉ tiêu, trong đó:
 - a) Hợp đồng 68 giao các sở, ban, ngành tỉnh: 87 chỉ tiêu;
 - b) Hợp đồng 68 giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 37 chỉ tiêu.

3. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biên chế giảm trừ, nếu số công chức trong biên chế lớn hơn số biên chế được giao năm 2020 (*biên chế thực hiện/biên chế giao*), thì cắt giảm kinh phí khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, nghỉ tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT**Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở xem xét các Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; các cơ quan hữu quan; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Mục tiêu tổng quát**

Phân đầu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, 2016 - 2020; năm 2020, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP 7,0%. Đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực: Văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy liêm chính hướng tới mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp; chủ quyền quốc gia được giữ vững, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 7,0%.
2. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 2.500 tỷ đồng.
3. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 11.000 tỷ đồng.
4. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng.
5. Tổng sản lượng lương thực đạt 42 vạn tấn.
6. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất trồng cây hàng năm đạt 50 triệu đồng/ha.

7. Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm: 05 xã¹.
8. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện từ các nguồn đạt 94,4%.
9. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86%.
10. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đạt 95%.
11. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,4%.
12. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin đạt 96%.
13. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 42,9%.
14. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,2%.
15. Thu hút khách du lịch đạt 1,6 triệu lượt.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

1. Tập trung lập Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045 đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Đồ án quy hoạch chung đô thị Hà Giang; hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung 4 đô thị thuộc công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; quy hoạch các khu di tích lịch sử, văn hóa...

2. Tập trung triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo các xã biên giới có khó khăn về nhà ở: Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, huy động các nguồn lực đóng góp để triển khai Chương trình. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và đảm bảo chất lượng công trình, đặc biệt quan tâm đến giữ gìn bản sắc kiến trúc truyền thống. Phân đầu hỗ trợ được 2.000 nhà trước khi tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch làm trọng tâm nền kinh tế của tỉnh; đặc biệt là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn:

a) Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại để tăng cường tính kết nối với các doanh nghiệp lớn có mạng lưới tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính hải quan, khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động xuất

¹Dự kiến các xã: Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang; Hương Sơn, huyện Quang Bình; Phong Quang, huyện Vị Xuyên; Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì; Bản Ngò, huyện Xín Mần.

nhập khẩu trên địa bàn, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm của địa phương.

b) Phát triển mạnh du lịch theo hướng du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, bảo tồn giá trị khảo cổ và cảnh quan Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn. Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp, các tỉnh thành để phát triển du lịch; nâng cao chất lượng các Làng văn hóa du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, kết hợp chặt chẽ phát triển du lịch với phát triển, quảng bá các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh thông qua việc tổ chức các lễ hội.

4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng trên địa bàn:

a) Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng cấp nước sinh hoạt, như: Dự án đường giao thông phía đông Sông Lô, dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án Hà Giang; dự án xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; hoàn thành xây dựng các tuyến đường thuộc dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (*Dự án LRAMP*). Ứng dụng và nhân rộng kết quả dự án cấp nước không dùng điện trên địa bàn các huyện vùng cao (*KawaTech*)...

b) Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt là chất lượng công trình và chi phí đầu tư đối với các công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, chất lượng các công trình. Tập trung điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2020, tiếp tục xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, ODA và các nguồn vốn khác (*bao gồm cả nguồn vốn ngoài nhà nước*) để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm.

5. Phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh: Thực hiện trọng tâm, có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án phát triển nửa triệu con đại gia súc với mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị thu hoạch/ha đất canh tác. Định hình rõ nét các sản phẩm đặc thù của tỉnh để tạo dựng vùng nguyên liệu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn: Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khu công nghiệp Bình Vàng, Cụm công nghiệp Nam Quang, khu kinh tế cửa khẩu. Tập trung đầu tư có trọng điểm và tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp có lợi thế trên địa bàn tỉnh như chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống; chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ giấy.

7. Đổi mới cách thức và nâng cao chất lượng chương trình xây dựng nông thôn mới: Tập trung nâng cao chất lượng đối với từng tiêu chí đã đạt được. Thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, quản lý chất lượng các công trình giao thông nông thôn, đảm bảo chất lượng. Tập trung nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn thông qua các chương trình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, chương trình xuất khẩu lao động và hướng dẫn sản xuất cho người dân. Phân đầu năm 2020 có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới; đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 43 xã (*đạt 27,1% tổng số xã toàn tỉnh*).

8. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế; đẩy mạnh thu hút đầu tư gắn với cải cách hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng công vụ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp của tỉnh; duy trì tốt các hoạt động đối thoại với các doanh nghiệp trên tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh. Tích cực, chủ động tiếp cận xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư có năng lực, thương hiệu lớn đến đầu tư vào tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư lớn triển khai thành công các dự án trên địa bàn tỉnh như: Tập đoàn TH, Tập đoàn VinGroup, Tập đoàn FLC... Đồng thời, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, hỗ trợ các nhà đầu tư tìm hiểu, lập và triển khai dự án đầu tư ngoài ngân sách. Phân đầu tăng từ 2-3 hạng so với năm 2019 đối với các chỉ số PCI, PAPI, Par-Index.

9. Ứng dụng khoa học công nghệ; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tăng cường phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường: Tập trung nghiên cứu, lựa chọn và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp nhận, ứng dụng hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học - công nghệ vào đời sống, sản xuất, nâng cao năng suất lao động (*đặc biệt là về nhân sự*). Tiếp tục xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu các sản phẩm đặc thù của tỉnh Hà Giang. Tập trung đổi mới công tác tư vấn công nghệ của một số ngành sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm địa phương. Siết chặt công tác quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, đá, cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Tăng cường thanh

tra, kiểm tra xử lý nghiêm các sai phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

10. Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội:

a) Thực hiện tốt công tác tuyển dụng công chức, viên chức, thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Đẩy mạnh công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Nâng cao chất lượng trường học nội trú, bán trú, đặc biệt là điều kiện sinh hoạt cho các em học sinh.

b) Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chủ động phòng chống dịch bệnh và có biện pháp hiệu quả để phòng chống ngộ độc thực phẩm. Triển khai thực hiện tự chủ đối với các bệnh viện công lập theo lộ trình.

c) Đẩy mạnh thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động; tăng cường hợp tác, liên kết về đào tạo và giới thiệu việc làm với các địa phương trong và ngoài nước. Thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp nhằm nâng cao và đảm bảo thu nhập bền vững cho người lao động nông thôn.

d) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo, chính sách dân tộc, đặc biệt là hỗ trợ sản xuất, đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường và đổi mới công tác truyền thông về chương trình giảm nghèo bền vững nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết của Quốc hội.

đ) Đưa công nghệ thông tin và truyền thông trở thành động lực quan trọng góp phần bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh, nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động của cơ quan nhà nước. Xây dựng một chính quyền hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin ở mức độ cao để tăng cường tính công khai, minh bạch trong phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chỉ số sẵn sàng ứng dụng thông tin trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai xây dựng chính quyền điện tử, Đề án đô thị thông minh thành phố Hà Giang.

11. Tăng cường quốc phòng - an ninh và công tác đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội: Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, trọng tâm là xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tiếp tục chủ động công tác xây

dựng và thực hiện các phương án nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Lồng ghép công tác ngoại giao văn hóa với các hoạt động chính trị, ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc, thiên nhiên, sản phẩm thương hiệu Hà Giang, đặc biệt là hình ảnh Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn với thế giới; đồng thời, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác đào tạo nhân lực, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

12. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp: xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo sát thực tế, khai thác đúng tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh. Tập trung công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; kế hoạch ngân sách, giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng trọng tâm, trọng điểm.

13. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận cao trong xã hội: Thường xuyên tuyên truyền, cung cấp thông tin kịp thời về chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư và các thông tin liên quan đến tình hình trong nước và quốc tế,... để nhân dân hiểu rõ về tình hình và chính sách của Đảng, Nhà nước; từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chung sức chung lòng thực hiện tốt các mục tiêu trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thành công Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang, các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo
Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức
hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức
hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị phê duyệt tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BPC ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công

lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2020 là **24.875 chỉ tiêu**, cụ thể như sau:

1. Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang là **24.738 chỉ tiêu**, gồm:

- a) Sự nghiệp Y tế: 3.795 chỉ tiêu;
- b) Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 614 chỉ tiêu;
- c) Sự nghiệp khác: 602 chỉ tiêu;
- d) Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 19.532 chỉ tiêu;
- e) Hợp đồng 68: 195 chỉ tiêu.

2. Tổng số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hà Giang là **137 chỉ tiêu**, gồm:

- a) Số lượng người làm việc: 132 chỉ tiêu;
- b) Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 05 chỉ tiêu.

3. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng người làm việc giảm trừ, nếu số viên chức chức trong biên chế lớn hơn số chỉ tiêu được giao năm 2020 (*biên chế thực hiện/biên chế giao*), thì cắt giảm kinh phí khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, nghỉ tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 05/TTr-HĐND, ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-BDT ngày 08 tháng 12 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

(Có Kế hoạch chi tiết ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2020 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

*(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành, tạo sự chủ động của các cơ quan có liên quan chuẩn bị tốt các nội dung kỳ họp HĐND tỉnh trong năm 2020, góp phần từng bước nâng cao chất lượng kỳ họp HĐND tỉnh.

II. Yêu cầu

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nội dung kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động chuẩn bị nội dung các kỳ họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp.

B. NỘI DUNG

I. Kỳ họp thứ 12

1. Xem xét các Báo cáo

a) Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án Dân sự.

b) Các Báo cáo của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020: Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình thu, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời kiến nghị của cử tri; kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019; kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn; các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).

c) Nghe Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh thông báo kết quả Kỳ họp thứ Chín Quốc hội khóa XIV; tổng hợp trả lời của các Bộ, ngành Trung ương đối với các kiến nghị của cử tri tỉnh Hà Giang của Quốc hội (nếu có).

d) Nghe Ủy ban MTTQVN tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020.

2. Tổ chức các phiên thảo luận

Chia tổ thảo luận và tổ chức thảo luận tại tổ, thảo luận tại hội trường về các nội dung trong chương trình kỳ họp của HĐND tỉnh.

3. Chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

Căn cứ ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và ý kiến chất vấn của Đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh điều hành hoạt động chất vấn theo quy định.

4. Xem xét, thông qua 10 dự thảo Nghị quyết, gồm:

- Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tưới tiên tiến tiết kiệm.

- Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2021 - 2025*).

- Nghị quyết quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021 (*áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2021 - 2025*).

- Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định về số lượng, chức danh, một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, những người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*thay thế Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang*).

- Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/7/2011 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 và Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đối với

cán bộ quản lý, người phục vụ học sinh bán trú tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách tỉnh khuyến khích đầu tư dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết về Chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

II. Kỳ họp thứ 13

1. Xem xét các báo cáo

a) Báo cáo công tác năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án Dân sự.

b) Các Báo cáo của UBND tỉnh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021:

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình thu, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời kiến nghị của cử tri.

- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn.

- Các cáo báo cáo chuyên đề: Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016-2020; Kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về Phê duyệt Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016-2020; Kết quả 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 và Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016-2020, tỉnh Hà Giang.

c) Nghe Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh thông báo kết quả Kỳ họp thứ Mười Quốc hội khóa XIV; tổng hợp trả lời của các Bộ, ngành Trung ương đối với các kiến nghị của cử tri tỉnh Hà Giang của Quốc hội (nếu có).

d) Nghe Ủy ban MTTQVN tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

2. Tổ chức các phiên thảo luận

Chia tổ thảo luận và tổ chức thảo luận tại tổ, thảo luận tại hội trường về các nội dung trong chương trình kỳ họp của HĐND tỉnh.

3. Chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

Căn cứ ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và ý kiến chất vấn của Đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh điều hành hoạt động chất vấn theo quy định.

4. Xem xét, thông qua 14 dự thảo Nghị quyết, gồm:

- Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2021.
- Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2019.
- Nghị quyết về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.
- Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2021.
- Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021.
- Nghị quyết thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
- Nghị quyết phê chuẩn Phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 (*nguồn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương*).
- Nghị quyết phê chuẩn phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.
- Nghị quyết phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2021.
- Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2021.

- Nghị quyết thông qua Báo cáo tổng hợp và các sản phẩm Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang, khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

- Nghị quyết dự toán kinh phí hoạt động năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian:

- Tổ chức kỳ họp thứ 12: Dự kiến 03 ngày (*trong khoảng thời gian từ ngày 10/7/2020 đến ngày 15/7/2020*).

- Tổ chức kỳ họp thứ 13: Dự kiến 03 ngày (*trong khoảng thời gian từ ngày 05/12/2020 đến ngày 10/12/2020*).

2. Địa điểm: Hội trường lớn HĐND và UBND tỉnh.

IV. THÀNH PHẦN THAM DỰ KỲ HỌP

1. Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2. Khách mời tham dự kỳ họp:

- Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; Đại biểu Quốc hội được bầu tại địa phương.

- Thành viên UBND tỉnh, Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh.

- Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân; một số tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan báo chí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực HĐND tỉnh

- Quyết định triệu tập và tổ chức các kỳ họp.

- Phối hợp với UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các cơ quan có liên quan trong việc chuẩn bị kỳ họp.

- Phân công các Ban HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị các kỳ họp.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri báo cáo HĐND xem xét tại kỳ họp.

- Chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chuẩn bị các điều kiện bảo đảm, tổ chức các kỳ họp.

- Ngoài các dự thảo Nghị quyết trình tại các kỳ họp năm 2020 nêu trên, trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn của địa phương (*trên cơ sở tình hình chuẩn bị và đăng ký bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh*), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét bổ sung vào chương trình các kỳ họp trong năm 2020 một số Nghị quyết chuyên đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, phục vụ kịp thời các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. UBND tỉnh

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị các nội dung của kỳ họp.

- Chuẩn bị các báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án trình tại kỳ họp đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh: Báo cáo kết quả công tác 6 tháng và năm 2020 với HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban MTTQVN tỉnh

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri; chủ trì, phối hợp với Tổ đại biểu HĐND tỉnh chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho các đại biểu HĐND tỉnh tại địa phương nơi đại biểu ứng cử.

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri báo cáo HĐND tỉnh.

5. Các Ban HĐND tỉnh

- Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

- Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo kết quả thẩm tra với HĐND tỉnh.

- Báo cáo công tác 6 tháng và năm 2020 của Ban theo quy định.

6. Tổ Đại biểu HĐND tỉnh

- Chỉ đạo các thành viên Tổ đại biểu nghiên cứu tài liệu và có ý kiến tham gia tại các phiên thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh.

- Phối hợp với UBMTTQ tổ chức cho Đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri.

7. Các Đại biểu HĐND tỉnh

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền và trách nhiệm của Đại biểu HĐND trước, trong và sau kỳ họp theo luật định. Chủ động nghiên cứu tài liệu kỳ họp, thực hiện giám sát tại kỳ họp. Tham gia tích cực và trách nhiệm trong việc thảo luận và quyết định các vấn đề trong chương trình kỳ họp./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết vốn đầu tư công năm 2020
từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2016 - 2020 và nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn
dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 12 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020;

Căn cứ Công văn số 9268/BKHĐT-TH ngày 12/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 về việc phê chuẩn Phương án phân bổ vốn đầu tư công năm 2020;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết vốn đầu tư công năm 2020 từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia và Báo cáo thẩm tra số 10/BC-KTNS ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân

sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết vốn đầu tư công từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia năm 2020, với tổng số vốn là 90 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

1. Các dự án sử dụng nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020: 60 tỷ đồng, gồm: Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT 177), đoạn từ Km0 - Km55: 30 tỷ đồng và 03 dự án khởi công mới bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư: 30 tỷ đồng.

2. Các dự án dự kiến sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia: 30 tỷ đồng. Gồm: 01 dự án chuyển tiếp: 14 tỷ đồng; 02 dự án khởi công mới năm 2020: 16 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các hạng mục dự án, thủ tục đầu tư, mức vốn bố trí cụ thể cho từng công trình, dự án để giao chi tiết cho chủ đầu tư thực hiện theo các quy định của pháp luật đảm bảo các dự án sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư mang lại hiệu quả. Các dự án trong kế hoạch năm 2020 phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (*Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh*). Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVII - Kỳ họp thứ 12 (bất thường) thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 02 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Thào Hồng sơn

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHI TIẾT
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSTW NĂM 2020 CHO CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ KHOẢN VỐN 10.000 TỶ ĐỒNG TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH
GIẢM NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 (tại NQ số 38/NQ-HĐND)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2019		Kế hoạch năm 2020			Ghi chú	Chủ đầu tư
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Thu hồi ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
	Tổng số				2,172,845	2,169,212	660,000	20,000	20,000	90,000	0	0		
A	Các dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				2,079,963	2,079,963	600,000	0	0	60,000	0	0		
I	Dự án khởi công mới năm 2020				2,079,963	2,079,963	600,000	0	0	60,000	0	0		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT 177)	Bắc Quang - Xín Mần	2020 - 2025	BC TĐNV số 9160/BC-BKHĐT ngày 10/12/2019	1,497,000	1,497,000	454,000			30,000				BQL DD và CN
2	Đường + Kè bảo vệ trường học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn Mốc 272/2, mốc 276 huyện Quản Bạ	Tả Ván	2020-2025	Khải toán	300,000	300,000	75,000			10,000				UBND huyện Quản Bạ

3	Kè chống sạt lở khu vực trường học, trạm y tế, nhà lưu trú và trụ sở làm việc xã Bản Páo, huyện Hoàng Su Phì	Bản Páo	2020-2023	3184/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	66,725	66,725	17,000			10,000				UBND huyện HSP
4	Đường + Kè sạt lở cơ quan và khu dân cư Huyện ủy huyện Hoàng Su Phì	TT Vinh Quang	2020 - 2023	616/QĐ-UBND ngày 20/3/2015	216,238	216,238	54,000			10,000				UBND huyện HSP
B	Các dự án dự kiến sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia				92,882	89,249	60,000	20,000	20,000	30,000	0	0		
I	Công trình chuyển tiếp				92,882	89,249	25,000	20,000	20,000	14,000	0	0		
1	Bố trí sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy cơ thiên tai thôn Khai hoang xã Ma Lề huyện ĐV	Ma Lề	2012 - 2013	2326/25/10/2011; 2627/23/9/2015	92,882	89,249	25,000	20,000	20,000	14,000				UBND huyện Đồng Văn
II	Dự án khôi công mới năm 2020				0	0	35,000	0	0	16,000	0	0		
1	Dự án di dân biên giới thôn Hồ Quảng Phìn, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh (HM: Đường Giao thông và kè chống sạt lở)	Phú Lũng	2020 - 2025				10,000			6,000				UBND huyện Yên Minh
2	Dự án xây dựng khu tái định cư thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	Cốc Pài	2020 - 2025				25,000			10,000				UBND huyện Xín Mần

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219/CT-UBND

Hà Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2020

CHỈ THỊ**Về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính
nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính**

Thời gian vừa qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được việc kiểm soát TTHC và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: Việc xây dựng, trình ban hành các quyết định công bố TTHC chưa kịp thời. Trong quá trình giải quyết TTHC còn có tình trạng thu thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định; còn tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại cơ quan, đơn vị. CBCCVC tiếp nhận hồ sơ chưa thể hiện được vai trò là chuyên gia tư vấn hướng dẫn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình làm hồ sơ TTHC; tình trạng CBCCVC những nhieu, tiêu cực gây bức xúc, làm xói mòn niềm tin của người dân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư; cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp chưa quán triệt sâu sắc và chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác này cả trong các khâu xây dựng, kiểm soát việc ban hành và thực hiện TTHC.

Để nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC và tiếp tục khẳng định việc thực hiện cải cách TTHC, xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để thực hiện cải cách hành chính, Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị:

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác cải cách TTHC trong phạm vi sở, ban, ngành, địa phương (*gọi chung là cơ quan, đơn vị*) về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu cải cách TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao năm 2020 và tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

a) Tổ chức rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các TTHC; trên cơ sở đó phải cắt giảm hoặc đề xuất cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm chi phí tuân thủ TTHC.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh kiểm soát nghiêm ngặt việc ban hành mới các TTHC thông qua việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, thể hiện đầy đủ, trung thực các ý kiến đó trong tờ trình trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản.

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc rà soát, xây dựng, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND về tính chính xác của TTHC.

d) Nghiêm cấm việc tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan, đơn vị đối với các TTHC quy định tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp; không để xảy ra các trường hợp thu thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết TTHC, khắc phục tình trạng thiếu công khai, minh bạch thông tin về TTHC.

đ) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng quy trình nội bộ TTHC đối với các TTHC đã đăng ký thực hiện theo phương án “5 tại chỗ”; việc gửi hồ sơ liên thông giữa các cơ quan để xin ý kiến góp ý, thẩm định hoặc giải quyết được thực hiện 100% qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

e) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện chuẩn hóa lại toàn bộ TTHC, dịch vụ công trực tuyến do ngành quản lý; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến.

g) Kịp thời xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng CBCCVC không chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, còn đi muộn, về sớm, làm việc riêng và sử dụng mạng xã hội để làm việc riêng trong giờ hành chính; làm việc cầm chừng, thoái thác trách nhiệm trong tham mưu, đề xuất dẫn đến chất lượng và hiệu quả công việc thấp; trong giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp còn những nhiễu, tiêu cực, trễ hẹn, phiền hà, chưa tuân thủ quy trình hoặc thiếu linh hoạt, hướng dẫn chưa tận tình, chu đáo... Ngoài việc xử lý trách nhiệm CBCCVC trực tiếp làm nhiệm vụ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó cũng phải kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm với tư cách là người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra vi phạm.

h) Chỉ đạo bố trí và bảo đảm đầy đủ kinh phí để triển khai các hoạt động cải cách TTHC.

3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm tăng

cường chức năng quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC và tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ UBND tỉnh giao về công tác cải cách TTHC. Thực hiện nghiêm việc kiểm tra công tác cải cách TTHC.

4. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước các cấp, nhất là trong giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

5. Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; xử lý theo thẩm quyền CBCCVC, cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định này.

6. Giám đốc Bưu điện tỉnh phối hợp với Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

7. Tổng Biên tập Báo Hà Giang, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Giang chỉ đạo cơ quan tích cực tuyên truyền, phổ biến về hoạt động cải cách TTHC, xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh; tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí tuân thủ TTHC và hạn chế tiếp xúc trực tiếp nhằm phòng ngừa dịch bệnh.

8. Kết quả cải cách TTHC là cơ sở để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chỉ thị, định kỳ 6 tháng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện lên Chủ tịch UBND tỉnh./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 244/CT-UBND

Hà Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2020

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường chấp hành pháp luật về quản lý tài chính ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Thực hiện Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành TW, thời gian vừa qua công tác quản lý, sử dụng tài chính, NSNN đạt được những kết quả quan trọng, kỷ cương ngân sách được tăng cường, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư đã được nâng lên.

Tuy nhiên qua kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán việc quản lý, sử dụng và quyết toán NSNN cho thấy: Tình hình vi phạm chế độ, chính sách quản lý thu, chi NSNN còn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị và cấp huyện, cấp xã; tình trạng đầu tư còn dàn trải, hiệu quả đầu tư chưa cao; một số đơn vị chấp hành chưa đúng quy định về quản lý, sử dụng tài chính, NSNN... ảnh hưởng đến kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý và hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà nước.

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ngành, ban quản lý; Thủ trưởng các đơn vị dự toán; các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và cấp dưới trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Hoàn thiện các văn bản quy định về chế độ, chính sách, định mức chi thuộc lĩnh vực tài chính, tài sản công và ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

Giao các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố:

- Tiếp tục rà soát trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách thu phí, lệ phí, thu NSNN thuộc thẩm quyền của địa phương, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức phân bổ, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi từ ngân sách, sử dụng tài sản công, xe ô tô công vụ, xe chuyên dùng, tài sản công cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương; bãi bỏ các quy định trái với thẩm quyền

hoặc trái với quy định của cấp trên.

- Tiếp tục rà soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, tài chính theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập để nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Hạn chế tối đa việc đề xuất ban hành các chính sách mới làm giảm thu NSNN; chỉ đề xuất ban hành mới chính sách chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn đảm bảo, tuân thủ đúng quy định của Luật NSNN về thẩm quyền ban hành chế độ, chính sách của địa phương.

2. Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước

2.1. Giao Cục Thuế, Cục Hải quan chủ trì phối hợp với KBNN, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố:

- Lập dự toán thu NSNN phải theo đúng quy định của các Luật Thuế, chế độ thu, đảm bảo tính tích cực, vững chắc và bao quát hết các nguồn thu NSNN, phù hợp với khả năng tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; làm tốt công tác phối hợp giữa ngành với các cấp chính quyền địa phương;

- Tổ chức thực hiện tốt Luật Thuế và nhiệm vụ thu ngân sách theo kế hoạch tỉnh giao, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN; khẩn trương xử lý theo chế độ quy định các khoản tạm thu, tạm giữ, các khoản thuế đã kê khai nhưng chậm nộp và các khoản thuế ẩn lậu được các cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị thu nộp vào NSNN.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan, tập trung vào những doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm có độ rủi ro cao; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận thuế, trốn thuế; đẩy mạnh công tác phòng, chống gian lận thương mại; kiểm soát chặt chẽ giá tính thuế hải quan và các nguồn thu NSNN, nhất là các khoản thu theo hình thức khoán; kiểm tra các tổ chức, cá nhân không đăng ký kinh doanh nhưng thực tế có kinh doanh để đưa vào diện quản lý thuế.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu thu nợ cụ thể cho từng Chi cục Thuế, Hải quan và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện, hạn chế phát sinh nợ thuế mới; đẩy mạnh công tác thanh tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của cơ quan thuế, hải quan.

2.2. Các đơn vị tổ chức thu, quản lý các khoản thu NSNN

Căn cứ quy định của pháp luật tổ chức thực hiện thu đúng, thu đủ, hạch toán theo dõi trên hệ thống kế toán. Sử dụng nguồn thu được trích lại đúng chế độ, định mức, không để các khoản thu ngoài sổ sách kế toán.

3. Về quản lý chi ngân sách địa phương

- Lập và quyết định giao dự toán chi NSNN phải bám sát mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH trên địa bàn, kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn, trên cơ sở chế độ, định mức chi NSNN hiện hành. Bố trí dự toán chi NSNN và chi thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư XDCB phải đúng thẩm quyền, xác định rõ nguồn vốn và trong phạm vi khả năng nguồn lực, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo cân đối ngân sách địa phương trong trung hạn.

- Thực hiện phân bổ, giao dự toán chi NSNN đúng thời hạn, nội dung, đối tượng, lĩnh vực chi theo quy định; đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và hoàn trả các khoản nợ, các khoản vay, ứng trước ngân sách; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện phòng chống thiên tai, dịch bệnh trên người và gia súc, gia cầm cùng các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Điều hành, quản lý chi NSNN trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; triệt để tiết kiệm xong vẫn phải đảm bảo tính hiệu quả của khoản chi tiêu; kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định việc ứng trước dự toán NSNN, chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Chấn chỉnh tình trạng quyết định đầu tư vượt quá khả năng cân đối ngân sách, phân bổ kế hoạch vốn dàn trải, ưu tiên bố trí kế hoạch vốn cho các dự án đã hoàn thành quyết toán và xử lý nợ đọng XDCB; khắc phục những sai phạm trong công tác quản lý dự án đầu tư từ giai đoạn khảo sát thiết kế đến triển khai thi công, nghiệm thu, giám sát công trình. Tập trung tháo gỡ khó khăn, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

- Sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi theo đúng quy định của Luật NSNN, Nghị định, Chỉ thị của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định.

- Giao cơ quan Kho bạc nhà nước tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm soát các khoản chi NSNN (bao gồm: Chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển), thu hồi các khoản tạm ứng theo chế độ cho nhà thầu.

4. Quản lý, kiểm tra đối với các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách; rà soát, đánh giá để đề xuất giải pháp hiệu quả hoạt động của các Quỹ theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ các khoản vay trong phạm vi dự toán được Thủ tướng Chính phủ quyết định, bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.

6. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, tiếp tục rà soát ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu cần) quy định việc phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công làm căn cứ quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 2896/CT-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

7. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW gắn với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định.

8. Về quyết toán tài chính, ngân sách nhà nước

- Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc Luật Kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chế độ kế toán chủ đầu tư, chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã theo quy định; tổng hợp báo cáo quyết toán năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, xét duyệt theo quy định.

- Sở Tài chính, các sở, ngành, Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị dự toán cấp I) và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán trực thuộc và ngân sách cấp dưới, tổng hợp báo cáo theo đúng chế độ và thời hạn quy định; nâng cao chất lượng công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán.

- Các chủ đầu tư khẩn trương lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án và tiểu dự án thành phần sử dụng nguồn vốn đầu tư từ NSNN gửi cơ quan tài chính

cùng cấp thẩm định trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt theo quy định. Không để xảy ra tình trạng tồn đọng các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN đã hoàn thành nhưng chậm lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán; đồng thời khắc phục sửa chữa những tồn tại, hạn chế trong công tác khảo sát, lập hồ sơ dự toán các dự án ĐTXD chưa phù hợp với quy định và địa hình thực tế được Hội đồng thẩm tra quyết toán chỉ ra. Kiên quyết xử lý đối với chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan không chấp hành đúng thời hạn quyết toán dự án hoàn thành.

9. Tập trung nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình

Các ngành, các cấp, các đơn vị, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng giải trình trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; xử lý nghiêm về tài chính theo quy định đối với các sai phạm về quản lý ngân sách và tài sản nhà nước đã được cơ quan kiểm toán, thanh tra phát hiện, kiến nghị.

Kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm hoặc để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng NSNN, tài sản công; chậm thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán đối với các vi phạm xảy ra trong quản lý thu, chi ngân sách thuộc trách nhiệm được giao quản lý.

Các cấp, các ngành và đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện công khai ngân sách, công khai ngân sách đảm bảo nội dung, thời gian và biểu mẫu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý tài chính, NSNN.

10. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ công chức làm công tác tài chính, kế toán tại cơ sở nhằm nâng cao năng lực quản lý, phát hiện các vướng mắc, vi phạm về tài chính, tài sản công và NSNN để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

11. Tổ chức thực hiện

(1) Giám đốc các sở, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện các nội dung của Chỉ thị này; thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6) hàng năm (trước ngày 30/11) tổng hợp về tình hình thực hiện Chỉ thị (cấp huyện tổng hợp của cấp xã) báo cáo UBND

tỉnh (qua Sở Tài chính).

(2) Ban Thanh tra nhân dân phát huy vai trò trong việc giám sát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý tài chính, NSNN; việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

(3) Giao Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Chỉ thị và kết quả thực hiện kết luận kiểm toán, thanh tra để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

**VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH, HĐND VÀ UBND
TỈNH HÀ GIANG XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1-Đội Cấn-P.Nguyễn Trãi-TP.Hà Giang-T.Hà Giang;

Điện thoại liên hệ: 02193.866.204; Fax: 02193.866.204;

E-mail: vpubnd@hagiang.gov.vn;

Website: vpubnd.hagiang.gov.vn;

In tại: Công ty CP In Hà Giang.